

Số: 219 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 06 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1972/QĐ-BKHHCN ngày 15/7/2016; Quyết định số 819/QĐ-BKHHCN ngày 17/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-BKHHCN ngày 15/6/2017; Quyết định số 2084/QĐ-BKHHCN ngày 04/8/2017; Quyết định số 1972/QĐ-BKHHCN ngày 27/7/2017; Quyết định số 3675/QĐ-BKHHCN ngày 25/12/2017; Quyết định số 688/QĐ-BKHHCN ngày 04/4/2017; Quyết định số 2388/QĐ-BKHHCN ngày 01/9/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình (phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Bãi bỏ 19 thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ (phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *g*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP11/VP6.
MT02/2018/TTHC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tông Quang Thìn



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành theo Quyết định số: 249 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ					
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	1.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
3	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	- Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.

đăng ký thay đổi tên
cơ quan quyết định
thành lập hoặc cơ
quan quản lý trực tiếp
của tổ chức KH&CN:
1.000.000 đồng.

- Đối với Thủ tục cấp
Giấy chứng nhận
trong trường hợp
đăng ký thay đổi địa
chỉ trụ sở chính của
tổ chức KH&CN:
1.500.000 đồng.

- Đối với Thủ tục cấp
Giấy chứng nhận
trong trường hợp
đăng ký thay đổi vốn
của tổ chức KH&CN:
1.500.000 đồng.

- Đối với Thủ tục cấp
Giấy chứng nhận
trong trường hợp
đăng ký thay đổi
người đứng đầu của
tổ chức KH&CN:
1.000.000 đồng.

- Đối với Thủ tục cấp
Giấy chứng nhận
trong trường hợp
đăng ký thay đổi, bổ
sung lĩnh vực hoạt
động KH&CN của tổ
chức KH&CN:
2.000.000 đồng.

4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	1.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
6	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng. - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi 	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.

				<p>thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng</p> <p>- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000 đồng</p>	
7	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.</p>	<p>Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11; Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 13/12/2008; Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 15/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 13/12/2008; Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</p>

8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng	Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11; Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 13/12/2008; Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 15/11/2011; Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014; Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
9	Thủ tục Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014 Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 11/7/2014.
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động sản giao dịch công nghệ vùng	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/06/2012; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014; Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014; Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.

		<p>nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Sàn giao dịch công nghệ vùng;</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản.</p>			
11	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm giao dịch công nghệ</p>	<p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm giao dịch công nghệ;</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</p>	<p>Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>3.000.000 đồng</p>	<p>Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/06/2012; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014; Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014; Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.</p>

		hợp lệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản.			
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyên giao công nghệ	<p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyên giao công nghệ;</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN có trách nhiệm gửi</p>	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/06/2012; Thông tư số 03/2014/TT-BKH&CN ngày 31/3/2014; Thông tư số 16/2014/TT-BKH&CN ngày 13/6/2014; Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.

		ý kiến bằng văn bản.			
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ; - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Luật giá số 11/2012/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014; Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014; Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 11/7/2014; Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.
14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/06/2012; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014; Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014; Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.

		<p>động Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo;</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản.</p>			
15	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p>	<p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát triển thị</p>	<p>Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>3.000.000 đồng</p>	<p>Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/06/2012; Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014; Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014; Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.</p>

		trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản.			
II Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân					
01	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	- Phí thẩm định ATBX: Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị Thiết bị X-quang thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị Hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. - Lệ phí cấp giấy phép: Không	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010; Thông tư số 287/2016/TT-BTC, ngày 15/11/2016.

02	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% mức thu phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp phép: Không	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010; Thông tư số 287/2016/TT-BTC, ngày 15/11/2016.
03	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đổi với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010; Thông tư số 287/2016/TT-BTC, ngày 15/11/2016.
04	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010; Thông tư số 287/2016/TT-BTC, ngày 15/11/2016.
05	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	200.000 đồng/ 1 chứng chỉ	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010; Thông tư số 287/2016/TT-BTC, ngày 15/11/2016.

06	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đổi với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	500.000 đồng/ 1 bản kế hoạch.	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; Thông tư số 25/2014/TT-BKHHCN ngày 08/10/2014; Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010; Thông tư số 287/2016/TT-BTC, ngày 15/11/2016.
III Lĩnh vực sở hữu trí tuệ					
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	250.000 đồng	Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11; Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006; Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010; Thông tư số 01/2008/TT-BKHHCN ngày 25/02/2008; Thông tư số 04/2009/TT-BKHHCN ngày 27/3/2009; Thông tư số 18/2011/TT-BKHHCN ngày 22/7/2011; Thông tư số 04/2012/TT-BKHHCN ngày 13/02/2012; Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
02	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Thông tursố 01/2008/TT-BKHHCN ngày 25/02/2008; Thông tư số 04/2009/TT-BKHHCN ngày 27/3/2009; Thông tư số 18/2011/TT-BKHHCN ngày 22/7/2011; Thông tư số 04/2012/TT-BKHHCN ngày 13/02/2012; Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

03	Thủ tục đăng ký chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ	Không quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016; Thông tư số 03/2011/TT-BKHHCN ngày 20/4/2011; Thông tư liên tịch số 112/2011/TTLT/BTC-BKHHCN ngày 02/8/2011.
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường chất lượng				
01	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ôxít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không.	Luật Hóa chất số 06/2007/QH12; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005; Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/ 2008; Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009; Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011; Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/ 02/2015; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Thông tư số 09/2016/TT-BKHHCN ngày 09/6/2016.
02	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ôxít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không.	Luật Hóa chất số 06/2007/QH12; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005; Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/ 2008; Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009; Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011; Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/ 02/2015; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Thông tư số 09/2016/TT-BKHHCN ngày 09/6/2016.

	đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa				
03	Thủ tục cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Không.	Luật Hóa chất số 06/2007/QH12; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005; Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/ 2008; Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009; Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011; Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/ 02/2015; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Thông tư số 09/2016/TT-BKHHCN ngày 09/6/2016.
04	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí: 150.000 đồng.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017; Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 .

05	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí: 150.000 đồng.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017; Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 .
06	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí: 150.000 đồng.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017; Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 .
07	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí: 150.000 đồng.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017; Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 .

08	<p>Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Đánh giá dựa trên kết quả tự đánh giá của người nhập khẩu; đánh giá dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận:</p> <p>01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.</p> <p>Đánh giá dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định:</p> <p>03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan kiểm tra tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng.</p>	<p>Bộ phận một cửa Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Không</p>	<p>Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Thông tư số 27/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; Thông tư số 07/2017/TT-BKHHCN ngày 16/6/2017.</p>
----	--	---	---	--------------	--



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ban hành theo Quyết định số: 219 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
I	Hoạt động khoa học và công nghệ			
1		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Quyết định 819/QĐ-BKH-CN ngày 17/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ
2		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị mất		
3		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị rách, nát		
4		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ		
5		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành		

		lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ		
6		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ	<p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> <p>- Quyết định 819/QĐ-BKHHCN ngày 17/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ</p>
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính (dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận) của tổ chức khoa học và công nghệ			
8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ			
9	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ			
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ			
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ			

12		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		
13		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị mất		
14		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị rách, nát	- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Quyết định 819/QĐ-BKH-CN ngày 17/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ
15		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		
16		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		
17		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay		

		đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh		
18		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh	- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Quyết định 819/QĐ-BKHHCN ngày 17/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường chất lượng			
01		Thủ tục cấp giấy phép vận chuyên hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ và các chất ăn mòn bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	Thông tư số 09/2016/TT-BKHHCN ngày 09/6/2016;	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ